

Số: 49/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung Quy định tổ chức quản lý hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt ban hành kèm theo Quyết định số 321/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 92/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô-tô;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Công chính (Tờ trình số 163/GT-VTCN ngày 10 tháng 3 năm 2005) và của Sở Tư pháp (Công văn số 614/STP-VB ngày 17 tháng 02 năm 2005 và Công văn số 987/STP-VB ngày 14 tháng 3 năm 2005);

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản “Quy định tổ chức quản lý hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” ban hành kèm theo Quyết định số 321/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“Công bố các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động xe buýt; xác định khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé và khung trợ giá của Nhà nước cho hoạt động xe buýt.”

2. Khoản 3, Khoản 8 và Khoản 10 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Thực hiện quy hoạch về tổ chức đầu mối doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xe buýt. Quyết định giao cho các doanh nghiệp khai thác các tuyến xe buýt theo hình thức chỉ định, giao khoán tuyến hoặc thông qua đấu thầu....

8. Công bố giá vé cụ thể cho từng luồng tuyến xe buýt trên cơ sở khung giá vé đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Tổ chức, xây dựng hệ

thông bán vé xe buýt. Quản lý và cấp phát các loại vé xe buýt cho doanh nghiệp....

10. Ban hành quy định về tiêu chuẩn lái xe buýt và nhân viên phục vụ trên xe buýt (sau đây gọi tắt là nhân viên phục vụ); nội quy đi xe buýt. Phê duyệt ban hành kế hoạch giảng dạy và giáo trình học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên về hoạt động xe buýt cho lái xe, nhân viên phục vụ.”

3. Khoản 3 và khoản 8 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt....

8. Lập và thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt. Xây dựng, trình Sở Giao thông công chính ban hành và tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt.”

4. Khoản 1 Điều 9 được bổ sung như sau:

“1. Tiêu chuẩn xe buýt :

(a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô đủ điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định số 92/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ và tiêu chuẩn ngành hiện hành TCVN 4461-87 và 22 TCVN 302-02; tuyệt đối không được làm ba-ga trên mui xe để hàng; trên xe phải có chuông điện báo hiệu lên xuống và có đủ tay vịn cho hành khách; phải dành 02 hàng ghế cho người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai, có màu riêng, trên đó có ghi chữ “ghế dành riêng”.

(b) Có thể sử dụng loại xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi trên một số tuyến đường chật hẹp và có lưu lượng hành khách thấp.”

5. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt:

1. Lái xe phải có đủ điều kiện của người lái xe cơ giới tham gia giao thông theo quy định tại Điều 53 Luật Giao thông đường bộ và quy định về tiêu chuẩn lái xe buýt và nhân viên phục vụ của thành phố. Thực hiện đúng quy định vận chuyển khách bằng xe ô tô tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 61 Luật Giao thông đường bộ.

2. Nhân viên phục vụ phải có thái độ phục vụ ân cần, lịch sự; bán vé đúng giá; xé và đưa vé cho tất cả các hành khách; kiểm tra vé đúng quy định.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ khi làm việc phải đeo băng tên và mặc đồng phục, phải hiểu biết những quy định về vận tải khách, có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt, thông tin tuyến, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cho hành khách. Giúp lên xuống an toàn và ổn định chỗ ngồi cho hành khách, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai; không nhận chờ xe đạp, xe 02 bánh gắn máy trên xe buýt.”

6. Khoản 5 Điều 16 được bổ sung như sau:

“5. Chấp hành nghiêm sự điều phối của cơ quan quản lý tuyến xe buýt trong việc điều xe, điều động sang tuyến khác để phù hợp với quy hoạch hoặc để phục vụ cho nhu cầu chung của mạng lưới xe buýt, kể cả trong trường hợp điều động đột xuất để xử lý sự cố. Trường hợp không trúng thầu trên luồng tuyến đang hoạt động, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh để sử dụng hiệu quả số xe hiện có (mất tuyến) và gửi báo cáo đến các cơ quan hữu quan.”

7. Khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Hành khách và cá nhân vi phạm nội quy đi xe buýt như gây mất trật tự, mua bán trên xe, không mua vé xe buýt, xả rác trên xe thì bị xử lý theo Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông Công chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- TTUB: CT, PCT, UVUB;
- TT Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN TPHCM;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- VPHĐ-UB: CPVP;
- Các Tổ NCTH;
- Lưu (ĐT/Thg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua